

Bản án số: 286/2024/DS-PT

Ngày: 08.7.2024

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 529/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A KV1, phường A, quận N, thành, phố C.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Sỹ B (Văn bản ủy quyền ngày 30/9/2022). (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (xin vắng mặt)

2/ Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3/ Bà Huỳnh Thị Mộng Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1962. Địa chỉ: 27B/ÔĐ, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. (xin

vắng)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông K trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 05/4/2021, ông Nguyễn Thanh H được sự ủy quyền của bà Huỳnh Thị Mộng Đ đã ký 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông 02 thửa đất 42 và 887. Giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng, ông đã giao đủ số tiền trên cho ông H qua 02 biên bản giao, nhận tiền ngày 05/4/2021. Đối với lời khai của ông H cho rằng vay tiền của ông 2.000.000.000 đồng và ký hợp đồng chuyển nhượng để bảo đảm khoản nợ vay là không đúng, ông chỉ nhận chuyển nhượng thật nhưng chưa sang tên. Khoảng 10 ngày sau thì ông H đề nghị với ông xin được hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng và bồi thường 50.000.000 đồng để chuyển nhượng cho ông Võ Văn Ú và được ông đồng ý. Việc thỏa thuận số tiền bồi thường 50.000.000 đồng chỉ thỏa thuận miệng, không có văn bản. Do ông H chưa trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng nên ông đã yêu cầu ông Ú phải ký nhận tiền của ông 2.000.000.000 đồng ngày 15/4/2021. Mục đích yêu cầu ông Ú ký nhận tiền là để đảm bảo nghĩa vụ của ông H và ông Ú cùng có trách nhiệm trả lại 2.000.000.000 đồng cho ông thì ông mới đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng với ông H, để ông H chuyển nhượng qua cho ông Ú. Sau khi ông hủy hợp đồng chuyển nhượng với ông H, đến ngày 24/4/2021 thì ông H đã trả cho ông được 1.300.000.000 đồng (không làm biên bản giao nhận tiền), còn nợ lại 700.000.000 đồng và tiền bồi thường 50.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2021, do lo sợ bị tố cáo nên ông H đã viết giấy mượn số tiền 750.000.000 đồng, nhưng thực chất đây là số tiền còn nợ sau khi hủy hợp đồng và 50.000.000 đồng tiền bồi thường. Đồng thời ông có yêu cầu ông Ú phải ký bảo lãnh để cùng có trách nhiệm với ông H trả cho ông số tiền còn lại và thời điểm ông Ú ký bảo lãnh ngày 12/5/2021 có mặt ông, ông H, ông Ú xin cho thêm thời gian trả để ông H trả là 30 ngày (đến hết 12/6/2021). Mặc dù, đã nhiều lần liên hệ nhưng ông H không trả số tiền còn nợ nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Huỳnh Thị Mộng Đ và ông Võ Văn Ú cùng liên đới trả cho ông số tiền còn nợ là 750.000.000 đồng. Ngoài ra, các bị đơn còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày ông H viết giấy mượn tiền 26/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bị đơn lần lượt có ý kiến như sau:

- Ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ngày 05/4/2021, bà Huỳnh Thị Mộng Đ có ủy quyền cho ông chuyển nhượng thửa đất 887 và thửa đất 42. Việc ủy quyền này chỉ nhằm mục đích để bảo đảm cho khoản nợ mà bà Đ đã vay của ông 1.300.000.000 đồng và có lập hợp đồng công chứng. Sau khi có hợp đồng ủy quyền, ông đã ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất của bà Đ cho ông Trần Văn K với giá 2.000.000.000 đồng, nhưng thực tế đây chỉ là hợp đồng để bảo đảm khoản nợ mà ông vay của ông K 2.000.000.000 đồng. Việc vay mượn

giữa ông và ông K không có hợp đồng, ông K đã giao cho ông đủ 2.000.000.000 đồng cùng ngày ký hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày 15/4/2021, ông và ông K thỏa thuận hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng để ông ký chuyển nhượng cho ông Võ Văn Ú. Giá thỏa thuận trong hợp đồng là 600.000.000 đồng nhưng thực chất thỏa thuận chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng. Mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Ú là để cho ông Ú vay tiền ở Ngân hàng và bà Đ muốn chuộc lại đất thì trả 1.300.000.000 đồng cho ông Ú để chuộc lại đất. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Ú được khoảng 02 đến 03 ngày thì ông Ú có trả cho ông được 600.000.000 đồng, còn 700.000.000 đồng hai bên thỏa thuận ông Ú có trách nhiệm trả cho ông K, việc thỏa thuận này ông K hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, sau đó ông Ú không trả số tiền còn nợ cho K nên ông K đã yêu cầu ông phải viết giấy nợ 750.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng và nợ lãi là 50.000.000 đồng) và ông Ú ký tên xác nhận bảo lãnh. Đến thời điểm ông Ú ký xác nhận bảo lãnh thì ông K đã biết giữa ông và ông Ú có thỏa thuận ông Ú nhận trách nhiệm trả số tiền 750.000.000 đồng cho ông K. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K về việc buộc ông phải liên đới trả số tiền 750.000.000 đồng, vì trách nhiệm trả số tiền này là của ông Ú. Ngoài ra, ông còn cho biết trong suốt thời gian giao dịch chuyển nhượng giữa ông và ông K, ông Ú thì bà Đ hoàn toàn không biết.

- Huỳnh Thị Mộng Đ trình bày: Vào năm 2021 bà có vay của ông Nguyễn Thanh H số tiền 1.300.000.000 đồng, để bảo đảm cho khoản nợ vay nên bà đã ký hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng cho ông H thửa đất số 887, tờ bản đồ số 10, diện tích 289m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 14, diện tích 226.5m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Sau khi vay khoản 40 ngày thì bà có yêu cầu chuộc lại đất nhưng ông H không cho chuộc, qua tìm hiểu thì bà biết được ông H đã chuyển nhượng cho ông Võ Văn Ú. Vì vậy, trong năm 2021 bà đã khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông H và ông Ú. Kết quả giải quyết đã hủy hợp đồng chuyển nhượng và buộc trả lại nhà đất cho bà. Nhận thấy việc chuyển nhượng giữa ông K, ông H, ông Ú không liên quan đến bà nên bà không đồng ý liên đới trả số tiền gốc và lãi là 856.207.000 đồng.

- Võ Văn Ú trình bày: Vào ngày 12/5/2021, ông có bảo lãnh cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 750.000.000 đồng mà ông H đã nợ ông Trần Văn K, ông không rõ nợ tiền vay hay nợ tiền liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng đất. Thời hạn bảo lãnh 30 ngày. Mục đích của việc bảo lãnh chỉ để tạo điều kiện cho ông H làm ăn có tiền trả cho ông K, chứ không có việc nhận trách nhiệm trả thay cho ông H. Đối với biên bản giao nhận tiền ngày 15/4/2021, ông có nhận của ông K số tiền 2.000.000.000 đồng nhằm mục đích ông nhận trách nhiệm trả lại cho ông K 1.300.000.000 đồng và ông H trả lại cho ông K 700.000.000 đồng. Do ông H cho bà Đ vay bằng hình thức ủy quyền chuyển nhượng 02 thửa đất của bà Đ ở T. Ông không rõ ông H vay tiền của ông K và ký hợp đồng chuyển nhượng để bảo đảm khoản vay hay chuyển nhượng thật. Ông chỉ biết ông K và ông H hủy hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó ông H mới chuyển nhượng 02 thửa

đất của bà Đ cho ông với giá 1.300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông vay tiền ở Ngân hàng và đã trả cho ông K 1.300.000.000 đồng, lúc trả tiền có mặt của ông H chứng kiến, không có biên bản giao nhận tiền. Còn việc ông H cho rằng ông mới trả được 600.000.000 đồng và còn nợ lại 700.000.000 đồng là không đúng. Vì ông vừa vay tiền ra khỏi Ngân hàng E thì đã trả cho ông K 1.300.000.000 đồng như lời trình bày của bên nguyên đơn ông K là đúng. Về chữ ký và chữ viết phía sau Văn bản giao, nhận tiền ngày 15/4/2021 là của ông Nguyễn Thanh H, ông là người viết và ký tên Võ Văn Ú ở phần bảo lãnh ngày 12/5/2021. Do việc bảo lãnh này không nhằm mục đích trả tiền thay cho ông H nên ông K yêu cầu ông phải cùng liên đới trả số tiền 750.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì đây là việc nợ tiền giữa ông K và ông H thì ông K và ông H tự giải quyết.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai Nguyễn Phước T khai:

Việc tranh chấp tiền bạc giữa ông K, ông H, ông Ú và bà Đ không liên quan đến ông. Đối với việc ông cho ông K mượn tiền để mua đất là việc riêng của ông, vấn đề ông K mượn tiền của ông thì giữa ông và ông K tự giải quyết.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Ú, bà Đ liên đới với ông H trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn K số tiền 919.735.000 đồng (trong đó nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi 169.735.000 đồng). Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 28 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn ông K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông H, ông Ú, bà Đ cùng liên đới trả cho ông tiền 750.000.000 đồng và lãi 10%/năm tính từ 13/6/2021 đến 21/9/2023; và buộc trả lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn bà Huỳnh Thị Mộng Đ xin vắng mặt; Bị đơn ông Ú không thống nhất yêu cầu của nguyên đơn; Bị đơn ông H có yêu cầu vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu ông Ú, bà Đ liên đới cùng ông H trả lại số tiền 750.000.000 đồng và yêu cầu tính thời gian về lãi suất là chưa có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện, bị đơn bà Đ, ông H, người liên quan ông T xin vắng nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

[2.1] Về trách nhiệm liên đới: Bị đơn ông H được bà Mộng Đ ủy quyền ký chuyển nhượng hai thửa đất số 887, tờ bản đồ số 10, diện tích 289m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 14, diện tích 226.5m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ, sau đó ông H đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên với giá 2.000.000.000 đồng cho nguyên đơn ông K và ông H đã nhận đủ số tiền 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó hai bên đã thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 15/4/2021 và ông H có trách nhiệm phải trả lại cho ông K số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng ông H chỉ trả được 1.300.000.000 đồng, còn nợ lại ông K 700.000.000 đồng chưa trả. Ngoài khoản tiền 700.000.000 đồng mà ông H còn nợ thì hai bên còn thỏa thuận ông H phải trả thêm cho ông K 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này không có văn bản, ông H cho rằng đây là tiền lãi của số nợ 700.000.000 đồng, nhưng ông K không thừa nhận có việc vay mượn nên không có tiền lãi mà chỉ có thỏa thuận bồi thường khi hủy hợp đồng. Mặc dù, hai bên không thống nhất 50.000.000 đồng là tiền bồi thường hủy hợp đồng chuyển nhượng hay tiền lãi nhưng ông H thừa nhận có nợ số tiền này và làm biên nhận ngày 26/4/2021 còn nợ ông K 750.000.000 đồng. Đối với việc ông Ú có ký vào biên nhận này với nội dung bảo lãnh cho ông H trong hạn 30 ngày sẽ trả đủ vào ngày 12/5/2021, qua xem xét nội dung thì không có nội dung ông Ú sẽ trả thay cho ông H số tiền này trong trường hợp ông H không trả được nợ. Mặt khác, trước đây ông H là người trực tiếp nhận tiền từ ông K, do đó, nghĩa vụ trả nợ thuộc về một mình ông H. Riêng bà Đ chỉ là người ký ủy quyền cho ông H thực chất là vay tiền từ ông H thì bà Đ có nghĩa vụ với ông H, không liên quan bà Đ trong giao dịch giữa ông H và ông K, vì vậy, bà Đ cũng không có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả nợ cho ông K. Nên kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu ông Ú và bà Đ có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính thêm kể từ sau thời điểm xét xử: xét thấy, theo biên nhận ngày 26/04/2021 thì ông H cam kết đến ngày 06/5/2021 sẽ trả tất, sau đó vẫn không thực hiện thì ngày 12/5/2021 ông Ú

có viết bảo lãnh đứng ra cho ông H hẹn 30 ngày sau sẽ trả, nhưng ông H vẫn không thực hiện nên bắt đầu tính lãi từ ngày 13/6/2021 là đúng, do đây là nghĩa vụ bị đơn ông H được ông Ú bảo lãnh cam kết ngày 12/6/2021 sẽ thanh toán nhưng không thanh toán vì vậy, cần phải tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự mới đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Nên kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận tính lãi từ ngày chậm thanh toán đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả hết tiền tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm đã tính lãi đến ngày 21/9/2023, cần bổ sung buộc bị đơn trả lãi tiếp theo sau ngày 21/9/2023 là từ ngày 22/9/2023 đến khi trả hết nợ.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp một phần. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H trả nợ là đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên, chỉ sửa phần tính lãi theo nhận định tại mục [2.2].

[4] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu theo quy định.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu. Ngoài ra nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn K số tiền 919.735.000 đồng (trong đó nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi 169.735.000 đồng). Ông H còn có nghĩa vụ trả lãi chậm trả cho ông K kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi trả xong khoản tiền nợ trên theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1 Dân sự sơ thẩm: Ông Hồng chịu 39.592.000 đồng.

2.2 Phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh